TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 6 – CÀ MAU** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 37/2025/HNGĐ-ST
Ngày 29 tháng 9 năm 2025
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 – CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Bích Ngọc

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Dư Thị Út

2. Bà Khưu Liên Dung

- *Thư ký phiên tòa*: Ông Nguyễn Minh Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 6 – Cà Mau.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 6 – Cà Mau tham gia phiên toà:* Bà Nguyễn Thị Tố Như - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 6 – Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 39/2025/TLST- HNGĐ ngày 21 tháng 7 năm 2025 về tranh chấp ly hôn, nuôi con chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 33/2025/QĐXX-ST ngày 28 tháng 8 năm 2025 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Chị Trần Thị Tuyết L, sinh năm 1989. Nơi cư trú: Số H, ấp B, phường H, tỉnh Cà Mau.

* Bị đơn: Anh Lê Văn S, sinh năm 1991. Nơi cư trú: Số H, ấp B, phường H, tỉnh Cà Mau.

(*Chị L và anh S vắng mặt*)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình tố tụng tại Toà, chị Trần Thị Tuyết L là nguyên đơn trong vụ án trình bày:

- Về hôn nhân: Chị L và anh S tự nguyện chung sống vợ chồng vào năm 2013, có tổ chức đám cưới theo phong tục và có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật vào ngày 20/11/2013 tại UBND xã V, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu (nay là UBND phường H, tỉnh Cà Mau). Quá trình chung sống ban đầu hạnh phúc. Tuy nhiên, thời gian sau này giữa

anh chị phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn chủ yếu là do vợ chồng không phù hợp tính tình, thường xuyên bất đồng quan điểm và xảy ra cãi vã. Anh S ra ngoài ăn chơi gây nợ nần, chủ nợ cứ đến nhà tìm anh S đòi tiền, từ đó vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn, cuộc sống gia đình bị xáo trộn và không còn hạnh phúc nữa. Xét thấy cuộc sống gia đình không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị L yêu cầu giải quyết cho chị được ly hôn với anh S.

- Về con chung: Chị L và anh S có một con chung tên Lê Trần Thúy A, sinh ngày 08/7/2014. Hiện nay con đang sống với chị L. Chị L yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu A sau khi ly hôn, không yêu cầu anh S cấp dưỡng cho con chung.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

** Đối với bị đơn anh Lê Văn S:* Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, đã nhiều lần triệu tập anh S đến Tòa án để làm việc liên quan đến yêu cầu khởi kiện của chị L và tham dự phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh S đều vắng mặt không có lý do và cũng không cung cấp bất kỳ văn bản trình bày ý kiến nào cho Tòa án. Anh S đã được triệu tập hợp lệ tham dự phiên tòa đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do nên không có lời khai. Tòa án căn cứ vào các tài liệu chứng cứ thu thập được trong hồ sơ vụ án để giải quyết theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 6 – Cà Mau phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Tòa án thụ lý giải quyết vụ án này là đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Quá trình thụ lý giải quyết vụ án Tòa án đã tuân thủ trình tự tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử tại phiên tòa hôm nay thực hiện đúng trình tự thủ tục tố tụng dân sự.

Về nội dung:

1.Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị Trần Thị Tuyết L với anh Lê Văn S. Cho chị Trần Thị Tuyết L ly hôn với anh Lê Văn S.

2. Về con chung: Giao con chung tên Lê Trần Thúy A, sinh ngày 08/7/2014 cho chị Trần Thị Tuyết L trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục sau khi ly hôn. Hiện nay cháu A đang sống với chị L nên được giữ nguyên. Anh Lê Văn S có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được ngăn cản. Anh Lê Văn S không phải cấp dưỡng cho con chung do chị L không yêu cầu.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị Trần Thị Tuyết L phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, quan điểm phát biểu của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 6 – Cà Mau. Hội đồng xét xử nhận định nội dung vụ kiện như sau:

[1] *Về thẩm quyền giải quyết:* Chị Trần Thị Tuyết L khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Lê Văn S. Anh S có nơi cư trú tại phường H, tỉnh Cà Mau. Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 của Quốc hội về sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án; khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ việc này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 6 – tỉnh Cà Mau.

[2] *Xét xử vắng mặt đương sự:* Chị L có đơn xin xét xử vắng mặt, anh S đã được Tòa án triệu tập xét xử hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, nên Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về hôn nhân: Chị Trần Thị Tuyết L và anh Lê Văn S tự nguyện chung sống vợ chồng và có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật vào ngày 20/11/2013 tại UBND cac V, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu (nay là phường H, tỉnh Cà Mau) là có xảy ra trên thực tế nên quan hệ hôn nhân giữa anh chị là hợp pháp và được pháp luật bảo vệ.

[4] Chị L xác định: Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn xuất phát từ việc vợ chồng không phù hợp tính tình, thường xuyên bất đồng quan điểm và xảy ra cãi vã. Anh S ra ngoài ăn chơi gây nợ nần, chủ nợ đến nhà tìm anh S đòi tiền, từ đó vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn, cuộc sống gia đình bị xáo trộn và không còn hạnh phúc nữa.

[5] Hội đồng xét xử xét thấy: Giữa vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, gắn bó, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau và phải cùng nhau chia sẻ các công việc trong gia đình. Xét thấy chị L và anh S phát sinh mâu thuẫn trong một thời gian dài nhưng vẫn không thể giải quyết được, dẫn đến việc chị L nộp đơn yêu cầu ly hôn. Về phía anh S, Tòa án đã nhiều lần triệu tập làm việc để xác định ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của chị L nhưng anh S đều vắng mặt không có lý do cho thấy anh S không có thiện chí giải quyết mâu thuẫn để xây dựng hạnh phúc gia đình. Vì vậy, Hội đồng xét xử xác định quan hệ hôn nhân giữa anh chị đã rơi vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Mặt khác, trong suốt quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, chị L xác định bản thân chị đã không còn tình cảm với anh S, không có yêu cầu đoàn tụ mà vẫn cương quyết yêu cầu ly hôn nên Hội đồng xét xử áp dụng nguyên tắc Hôn nhân tự nguyện, tiến bộ và căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, khoản 3 Điều 4 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số

quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị L, cho chị L được ly hôn với anh S.

[6] Về con chung: Giữa chị L và anh S có một con chung tên Lê Trần Thúy A, sinh ngày 08/7/2014. Hiện nay con đang sống với chị L. Chị L yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu A sau khi ly hôn, không yêu cầu anh S cấp dưỡng cho con chung. Quá trình giải quyết vụ án, anh S không tranh chấp về việc nuôi dưỡng con chung nên có cơ sở giao cháu A cho chị L được trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục sau khi ly hôn. Anh S có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được ngăn cản. Anh S không phải cấp dưỡng cho con chung do chị D không yêu cầu.

[7] Về tài sản chung và nợ chung: Chị D xác định tài sản chung và nợ chung không có nên không yêu cầu giải quyết. Anh S không có tranh chấp về tài sản chung và nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[8] Về án phí: Chị L phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

[9] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên chấp nhận toàn bộ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 của Quốc hội về sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án; Khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Khoản 3 Điều 4 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình;

- Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016.

Tuyên xử:

1.Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị Trần Thị Tuyết L với anh Lê Văn S. Cho chị Trần Thị Tuyết L ly hôn với anh Lê Văn S.

2. Về con chung: Giao con chung tên Lê Trần Thúy A, sinh ngày 08/7/2014 cho chị Trần Thị Tuyết L trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục sau khi ly hôn. Hiện nay cháu A đang sống với chị L nên được giữ nguyên. Anh Lê Văn S có quyền, nghĩa vụ

thăm nom con chung, không ai được ngăn cản. Anh Lê Văn S không phải cấp dưỡng cho con chung do chị L không yêu cầu.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị Trần Thị Tuyết L phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Chị L đã nộp 300.000 đồng tạm ứng án phí tại biên lai thu số 0011153 ngày 21/7/2025 tại Thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau được chuyển thu án phí 300.000 đồng.

5. Án xử sơ thẩm công khai, các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Bích Ngọc

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND Khu vực 6 – Cà Mau;
- Phòng THADS Khu vực 6 – Cà Mau;
- Các đương sự;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu.